

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/03/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn A, sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên hệ: Số nhà Y, ấp B, xã M, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lê H, sinh ngày 30/6/1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, thị xã N, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/02/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn A và anh Lê H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chị sống rất hạnh phúc, sau thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh H đã ly thân với nhau từ

tháng 3 năm 2021 đến nay, nay chị không còn tình cảm với anh H nên chị nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê H.

Về con chung: Chị A và anh Lê H có một con chung tên Lê Y, sinh ngày 19/7/2021, hiện nay cháu Y đang sống với gia đình bên nội, bà đồng ý tiếp tục giao con cho anh H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê H lập ngày 17/02/2025, anh H trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn A. Anh và chị Nguyễn A có một con chung là cháu Lê Y, sinh ngày 19/7/2021, cháu Y đã sống với gia đình anh từ khi mới sinh đến nay, hiện nay được mẹ anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi cháu Y và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng thì anh không có yêu cầu Tòa án xem xét gì. Đồng thời anh yêu cầu được xét xử vắng mặt.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt, còn bị đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, đều chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao con chung tên Lê Y, sinh ngày 19/7/2021 cho anh H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị A mỗi tháng cấp dưỡng nuôi cháu Y là 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm 04/3/2025 đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị A theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê H vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A và anh Lê H là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 16/01/2019 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị A, theo chị A cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay không còn tình cảm vợ chồng, anh H và chị A đã ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa chị A nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H cũng có ý kiến thống nhất yêu cầu ly hôn với chị A. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh H và chị A đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, anh H và chị A đã ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2021 đến nay, hiện nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị A là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn A và anh Lê H có một con chung là cháu Lê Y, sinh ngày 19/7/2021, theo anh H và chị A trình bày thống nhất cháu Y từ nhỏ đã sống chung với gia đình bên nội. Chị A cũng thống nhất giao cháu Y cho anh H nuôi dưỡng, anh H cũng yêu cầu được nuôi cháu Y, hiện nay cháu Y chưa đủ 07 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Như vậy, giữa anh H và chị A cũng đã thống nhất với nhau về việc ai là người nuôi dưỡng con chung. Để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu Y đồng thời không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh sống của cháu Y cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc giao ai nuôi con chung của anh H và chị A. Quyết định giao cháu Y cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị A không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y đến mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Y, để đảm bảo quyền lợi của cháu Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cháu chị A. Buộc chị A phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Y, sinh ngày 19/7/2021 đến khi cháu Y đủ 18 (mười tám) tuổi, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là ngày 04/3/2025.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Nhưng chị A được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002590 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Lê H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A được ly hôn với anh Lê H.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Y, sinh ngày 19/7/2021 cho anh Lê H nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Nguyễn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn A phải cấp dưỡng nuôi con là cháu Lê Y, sinh ngày 19/7/2021 đến khi cháu Y đủ 18 (mười tám) tuổi, mỗi tháng cấp dưỡng một lần, số tiền cấp dưỡng một tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 04/3/2025.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn A được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002590 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Lê H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L, thị xã N;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng